

C, ngày 01 tháng 12 năm 2020

Số:235/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C- TỈNH QUẢNG NINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Mạnh

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà: **Đỗ Thị Kim Chinh**

2. Ông: **Phạm Minh Thư**

-Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 295/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

**\*Nguyên đơn:** Chị **Vũ Thị A** sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn D, xã E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh

**\*Bi đơn:** Anh **Phạm Văn B** sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn D, xã E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về tình cảm:** Công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn của chị Vũ Thị A và anh Phạm Văn B.

-**Về con chung:** Các đương sự có 01 (một) con chung là Phạm Minh G, sinh ngày 02/10/2017

-Giao con chung là Phạm Minh G, sinh ngày 02/10/2017 cho chị Vũ Thị A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

-Hai bên có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng con chung không bên nào được ngăn cản.

-**Về tài sản chung:** Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-**Về án phí:** Chị Vũ Thị A phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001533 ngày 20/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã C. Chị A đã nộp đủ án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKS thị xã C.
- T.H.A DS
- Các đ-ơng sự.
- UBND xã E
- L- u hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Chí Mạnh**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐỖ THỊ KIM CHINH**

**PHẠM MINH THU**

**NGUYỄN CHÍ MẠNH**

---

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:**

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X,

tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

